

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 617/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1976. Địa chỉ: 29 đường T, phường T, thị xã H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 05 đường H, phường K, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T có 02 con chung đăng ký tên khai sinh là Lê Ngọc Thảo N, sinh ngày 06/4/2012 và Lê Thành Đ, sinh ngày 05/4/2014. Hai bên thoả thuận giao cháu Lê Ngọc Thảo N cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Lê Thành Đ cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T công nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T, mỗi người phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng hai bên thỏa thuận chị Lê Thị L chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004453 ngày 22/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Lê Thị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, TX H, tỉnh T (Anh T và chị L ĐKKH số 92, ngày 01/11/2011);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung